

CULTURAL IDENTITY AND CHARACTER OF SOUTHERN PEOPLE THROUGH SOUTHERN LITERATURE 1954-1975

Nguyen Ngoc Phu
Dong Thap University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	16/10/2025	This study aims to clarify the cultural identity and characteristic personality of Southern Vietnamese people throughout the historical process of formation and development of the Southern region. The focus lies in identifying the cultural, religious, and natural factors that have shaped this identity and how they are reflected in the region's daily life and literature. Using historical, ethnographic, linguistic, and literary methods, the research reveals that Southern culture represents a multi-layered convergence, fostering a generous, loyal, and community-oriented way of life. The moral framework of Humanity - Propriety - Righteousness - Wisdom - Faithfulness serves as a foundation guiding social behavior. Material elements such as cuisine, clothing, and architecture, along with folk arts like Ho, Ly, and Don Ca Tai Tu, illustrate a rich spiritual life and adaptive resilience. The findings affirm the organic relationship between culture and the Southern people, while also elucidating the distinctive features of Southern Vietnamese literature during the 1954-1975 period within the broader flow of national culture.
Revised:	11/12/2025	
Published:	11/12/2025	
KEYWORDS		
Identity		
Culture		
Character		
Southerners		
Southern Literature		

BẢN SẮC VĂN HÓA VÀ TÍNH CÁCH NGƯỜI PHƯƠNG NAM QUA VĂN HỌC NAM BỘ 1954-1975

Nguyễn Ngọc Phú
Trường Đại học Đồng Tháp

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	16/10/2025	Nghiên cứu này nhằm làm rõ bản sắc văn hóa và đặc trưng tính cách con người phương Nam trong tiến trình hình thành, phát triển vùng đất Nam Bộ. Trọng tâm là xác định các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng và điều kiện tự nhiên góp phần tạo nên bản sắc và cách chúng phản ánh trong đời sống, văn học khu vực. Thông qua các phương pháp lịch sử, dân tộc học, ngôn ngữ và văn học, nghiên cứu chỉ ra rằng văn hóa Nam Bộ là sự giao thoa đa tầng, tạo nên nếp sống phóng khoáng, trọng nghĩa tình và đoàn kết. Hệ giá trị Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín trở thành nền tảng chi phối hành vi ứng xử. Các yếu tố vật chất như ẩm thực, trang phục, kiến trúc cùng hò, lý, đờn ca tài tử thể hiện đời sống tinh thần phong phú và khả năng thích ứng linh hoạt. Kết quả khẳng định mối quan hệ hữu cơ giữa văn hóa và con người phương Nam, đồng thời lý giải đặc trưng riêng của văn học Nam Bộ giai đoạn 1954-1975 trong dòng chảy văn hóa dân tộc.
Ngày hoàn thiện:	11/12/2025	
Ngày đăng:	11/12/2025	
TỪ KHÓA		
Bản sắc		
Văn hóa		
Tính cách		
Người phương Nam		
Văn học Nam Bộ		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.13776>

Email: mpphu@dthu.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

1. Giới thiệu

Vùng đất Nam Bộ không phải là không gian sinh sống của một cộng đồng dân tộc thuần nhất, đây là một bức tranh văn hóa đa sắc tộc, được dệt nên bởi sự hội tụ và giao thoa lâu dài, sâu sắc giữa nhiều cộng đồng dân tộc. Chính sự tương tác đa chiều này đã tạo ra bản sắc văn hóa Nam Bộ độc đáo, không chỉ biểu hiện ở các yếu tố bên ngoài như ngôn ngữ, ẩm thực, tín ngưỡng, mà còn thấm sâu vào trong cốt cách, định hình nên tính cách con người phương Nam. Trước đó, bộ phận văn học Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX này có khối lượng tác phẩm phong phú, đa dạng, với nhiều khuynh hướng tư tưởng và bút pháp nghệ thuật khác nhau [1], [2]. Từ các bài văn chính luận, biểu, hịch mang giọng điệu hùng hồn đến những truyện, ký, văn tế,... phản ánh sinh động cuộc sống đương thời, văn học Nam Bộ đã tạo nên một diện mạo phong phú cho văn học dân tộc nửa sau thế kỷ XIX [3]-[5]. Vấn đề bản sắc văn hóa và người phương Nam trong văn học, đặc biệt là giai đoạn 1954 - 1975, từ lâu đã là một đối tượng thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu, phê bình văn học. Ở giai đoạn này, các bài viết chủ yếu giới thiệu, điểm sách, bình luận trên các tạp chí văn nghệ, tập trung khẳng định và cổ vũ chức năng chiến đấu, giá trị tư tưởng và tinh thần yêu nước của văn học. Công trình *Văn học giải phóng miền Nam 1954-1970* của Phạm Văn Sỹ [6] đã phác họa một bức tranh toàn cảnh về đời sống văn học tại các vùng giải phóng, trong đó khẳng định mạnh mẽ tính chất chiến đấu và vai trò lịch sử của văn học trong việc phục vụ cuộc kháng chiến. Cao Huy Khanh [7], [8], Giác Nguyễn Mộng [9] cũng có những khảo sát, nhận định về tình hình văn xuôi và tiểu thuyết miền Nam, dù đứng ở những lập trường chính trị khác nhau nhưng cũng cho thấy sự quan tâm đến đời sống văn học sôi động của khu vực. Sau năm 1975, các nhà nghiên cứu sưu tầm, tập hợp, biên soạn và đánh giá lại di sản văn học. Nhiều bộ tuyển tập, tổng tập của các tác giả Nam Bộ đã được xuất bản, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu và giảng dạy. Cuốn *Nhà văn Việt Nam 1945-1975 (Tập 1)* do Hà Minh Đức và Phan Cự Đệ chủ biên [10] đã dành những chương mục quan trọng để giới thiệu và khẳng định vị trí của các nhà văn cách mạng miền Nam trong nền văn học dân tộc thống nhất. Đặc biệt, Trần Hữu Tá đã có những đóng góp lớn [11], [12], cung cấp cái nhìn toàn diện, sâu sắc về các trào lưu, khuynh hướng và thành tựu của văn học miền Nam. Các công trình đã phân tích những giá trị nội dung, tư tưởng và bước đầu chạm đến những vấn đề về đặc điểm nghệ thuật. Các bộ sách tuyển chọn và giới thiệu tác giả, tác phẩm [13], [14] cũng góp phần quan trọng trong việc khẳng định chân dung và phong cách của các nhà văn Nam Bộ. Bước sang thế kỷ XXI, với sự phát triển của lý luận văn học, các phương pháp nghiên cứu mới, việc tìm hiểu văn học Nam Bộ 1954-1975 ngày càng đi vào chiều sâu, tập trung vào các vấn đề chuyên biệt về thi pháp học, văn hóa học và liên ngành. Hướng nghiên cứu về từng tác giả cụ thể tiếp tục được đẩy mạnh và đạt được nhiều thành tựu. Bên cạnh hướng nghiên cứu này, nhiều công trình đã tập trung vào các khía cạnh cụ thể của thi pháp và thể loại. Hướng nghiên cứu văn học Nam Bộ trong mối quan hệ với các yếu tố văn hóa, lịch sử, ngôn ngữ được coi trọng. Các công trình nghiên cứu về lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ [15], [16], bản sắc văn hóa và con người Nam Bộ [17], tín ngưỡng, phong tục [18] và ngôn ngữ địa phương [19], [20] đã cung cấp một nền tảng kiến thức vô cùng quý giá. Tuy nhiên, để có sự gắn kết, có tính hệ thống, chuyên sâu về bản sắc văn hóa và tính cách người phương Nam qua văn học Nam Bộ 1954-1975, thì cần thêm những góc nhìn mới để khẳng định vị trí của văn học Nam Bộ trên tiến trình phát triển văn học dân tộc. Mục tiêu bài viết nhằm hướng đến làm rõ hơn và khẳng định những giá trị của bản sắc văn hóa, cũng như tính cách người phương Nam qua văn học Nam Bộ giai đoạn 1954-1975.

2. Phương pháp tiếp cận nghiên cứu

Để thực hiện các mục tiêu nghiên cứu, phương pháp lịch sử - văn hóa, xem xét tác phẩm gắn với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội đã sản sinh ra nó, nhằm tái hiện và phân tích rõ hơn bối cảnh lịch sử miền Nam và phản ánh cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc [6]. Phương pháp này soi chiếu tác phẩm từ góc độ văn hóa, tìm hiểu ảnh hưởng của lịch sử khàn hoang [15], [16], tín ngưỡng, phong tục và hệ giá trị Nam Bộ [17], [18] đến tính cách nhân vật. Phương pháp thi pháp

học và cấu trúc - hệ thống xem tác phẩm như một chỉnh thể nghệ thuật với quy luật tổ chức riêng [21], [22], đồng thời vận dụng lý thuyết thi pháp học hiện đại [23] để đưa ra nhận định về giá trị nghệ thuật. Phương pháp so sánh triển khai ở nhiều cấp độ giữa tác giả, còn loại hình dùng để phân nhóm hiện tượng văn học cùng bản chất nhằm hệ thống hóa kết quả phân tích, rút ra quy luật khái quát và việc nghiên cứu phương ngữ Nam Bộ [19], [20] cũng cần làm rõ hơn. Tất cả các phương pháp được đặt trong định hướng liên ngành, bổ sung và tổng hợp, nhằm kết nối kết quả phân tích thành một chỉnh thể thống nhất.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Sự giao thoa văn hóa và đặc điểm tín ngưỡng dân gian, phong tục, tập quán

Nam Bộ là địa bàn cư trú lâu đời của nhiều tộc người, trong đó cộng đồng người Khmer bản địa chiếm một vị trí quan trọng. Sự giao thoa văn hóa Việt - Khmer thể hiện rõ nét trên nhiều phương diện. Về ngôn ngữ, nhiều từ ngữ gốc Khmer đã được Việt hóa và đi vào kho từ vựng của phương ngữ Nam Bộ, đặc biệt là các từ chỉ địa danh, tên sông, rạch, tên các loài động thực vật đặc hữu [19]. Các địa danh Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau... đều có nguồn gốc từ tiếng Khmer. Sự vay mượn này cho thấy quá trình tiếp xúc ngôn ngữ tự nhiên, phản ánh sự chung sống gần gũi và nhu cầu giao tiếp hàng ngày. Tín ngưỡng thờ thần Neak Ta (Ông Tà) của người Khmer cũng có sức ảnh hưởng nhất định và trong nhiều trường hợp đã có sự dung hợp với tín ngưỡng thờ Thổ thần, Thành hoàng của người Việt. Cộng đồng dân tộc giữ vai trò chủ thể, định hình bản sắc văn hóa Nam Bộ chính là người Việt. Những lớp lưu dân người Việt từ miền Trung, miền Bắc mang theo toàn bộ hành trang văn hóa của dân tộc: đó là ngôn ngữ, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, các phong tục, tập quán trong vòng đời, cấu trúc làng xã và các giá trị đạo đức truyền thống. Tuy nhiên, người Việt không sao chép một cách máy móc, họ đã có quá trình sàng lọc, biến đổi và thích ứng một cách linh hoạt để phù hợp hoàn cảnh mới [24]. Một nhân tố quan trọng khác góp phần tạo nên sự đa dạng và năng động cho văn hóa Nam Bộ là cộng đồng người Hoa [15]. Sự giao thoa văn hóa Việt - Hoa diễn ra một cách mạnh mẽ, đặc biệt là ở các khu vực đô thị. Sơn Nam [25] đã thể hiện một sự am hiểu sâu sắc về quá trình giao thoa văn hóa này trong các tác phẩm của mình. Họ đã miêu tả một cách sinh động sự chung sống hòa hợp giữa các tộc người, những ảnh hưởng văn hóa qua lại, lý giải được cội nguồn của tính cách và tâm hồn người phương Nam. Đời sống tâm linh của người dân Nam Bộ được đặc trưng bởi sự đa dạng, dung hợp và một tinh thần thực tế sâu sắc được các nhà văn, nhà nghiên cứu như Sơn Nam [24], Huỳnh Ngọc Trảng [18], [26] ghi nhận và phân tích sự phổ biến của tín ngưỡng thờ Mẫu. Nền tảng là hệ thống tín ngưỡng dân gian, bao gồm những niềm tin và thực hành thờ cúng có nguồn gốc lâu đời, gắn liền với đời sống sản xuất nông nghiệp và quá trình khai phá đất đai. Tín ngưỡng phổ biến nhất được mang theo từ miền ngoài vào là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ cúng các vị nữ thần (Mẫu). Tiêu biểu nhất là tục thờ Bà Chúa Xứ, một tín ngưỡng có sức lan tỏa rộng khắp Nam Bộ. Sự phổ biến của tín ngưỡng thờ Mẫu phản ánh dấu vết của chế độ mẫu hệ trong quá khứ, đồng thời cũng thể hiện khát vọng về sự che chở, bao bọc, an toàn của những lớp lưu dân trong buổi đầu khai phá đất đai còn nhiều hiểm nguy, bất trắc [18]. Tín ngưỡng quan trọng gắn liền với cấu trúc làng xã là tục thờ Thành hoàng, bảo hộ cho cả một ngôi làng, phù trợ cho dân làng bình an, làm ăn phát đạt. Ngôi đình làng là không gian diễn ra các lễ hội Kỳ yên (có nghĩa là lễ cầu an, lễ tế thần Thành hoàng), một sinh hoạt văn hóa cộng đồng quan trọng nhất nhằm cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa [26]. Song đó, các tôn giáo lớn cũng có một quá trình phát triển mạnh mẽ và mang những sắc thái riêng ở Nam Bộ như Phật giáo, Thiên Chúa giáo. Nhìn chung, toàn bộ đời sống tâm linh phong phú và phức hợp này đã được các nhà văn Nam Bộ, đặc biệt là Sơn Nam, phản ánh một cách sinh động trong tác phẩm, không chỉ tái hiện không gian văn hóa mà còn lý giải chiều sâu trong tâm thức của người phương Nam. Cụ thể, tập truyện *Hương rừng Cà Mau* khám phá và phục dựng các phong tục, tập quán độc đáo; chiều sâu văn hóa ứng xử và triết lý sống của người dân; mối quan hệ gắn bó giữa con người và hệ sinh thái rừng U Minh; cũng như các phẩm chất của con người Nam Bộ [25].

Tại Nam Bộ, nghi lễ vòng đời (sinh, hôn, tang, tế) vừa kế thừa những nét chung của văn hóa Việt Nam, vừa có những sự biến đổi, giản lược và mang những sắc thái độc đáo, phản ánh rõ nét bối cảnh lịch sử, điều kiện tự nhiên và đặc điểm tính cách của con người. Việc tìm hiểu những phong tục này giúp thấu hiểu sâu hơn hệ giá trị và quan niệm nhân sinh của người phương Nam. Nghi lễ đầu tiên là các phong tục liên quan đến sự sinh đẻ (sinh). Tuy nhiên, trong bối cảnh đời sống khản hoang còn nhiều khó khăn, nên các phong tục liên quan đến sinh đẻ thường mang đậm màu sắc tín ngưỡng dân gian, cầu mong cho "mẹ tròn con vuông" và đứa trẻ được khỏe mạnh, dễ nuôi. Các tục kiêng cử cho bà mẹ và trẻ sơ sinh được tuân thủ khá nghiêm ngặt (tục nằm than, kiêng gió, kiêng nước lạnh, kiêng người lạ vào thăm...). Một nghi lễ quan trọng là lễ đầy tháng và lễ thôi nôi để gia đình trình diện đứa trẻ với ông bà, tổ tiên và bà con, hàng xóm, đồng thời tạ ơn các vị thần linh, đặc biệt là 12 bà Mụ và Đức Ông, đã có công nặn ra và chăm sóc đứa trẻ. Lễ cúng thường gồm xôi, chè, gà, vịt... Cột mốc đánh dấu sự trưởng thành và việc tạo dựng một gia đình mới là các phong tục trong hôn nhân (hôn). Các nghi lễ trong đám cưới ở Nam Bộ vẫn giữ những bước cơ bản như Lễ Dạm ngõ (đi nói), Lễ Ăn hỏi và lễ cưới thường được tiến hành một cách gọn nhẹ, linh hoạt và vui vẻ. Nghi lễ cuối cùng của một đời người là tang ma (tang) thể hiện lòng tiếc thương, sự hiếu thảo của con cháu đối với người đã khuất và tiễn đưa họ về với thế giới bên kia. Khi trong nhà có người mất, con cháu thực hiện các nghi thức tắm rửa, thay quần áo và làm lễ nhập quan. Trong suốt tang lễ, con cháu phải túc trực bên linh cữu, để tang để tỏ lòng hiếu thảo. Khi hay tin, bà con láng giềng lập tức đến phụ giúp mà không cần đợi lời mời. Sự giúp đỡ này hoàn toàn tự nguyện, một nét đẹp văn hóa được nhà văn Sơn Nam nhiều lần nhắc đến trong truyện *Một cuộc bê dâu*, *Miêu bà Chúa Xứ*, ... [14]. Trong tang lễ, các yếu tố tín ngưỡng dân gian và Phật giáo hòa quyện sâu sắc. Sau khi chôn cất, các nghi lễ cúng tuần (49, 100 ngày) vẫn được duy trì. Cuối cùng, tế lễ quan trọng và phổ biến nhất chính là ngày giỗ, thể hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn" một cách sâu sắc nhất. Tóm lại, các phong tục, tập quán của người Nam Bộ là một tấm gương phản chiếu trung thực bản sắc văn hóa và tính cách của họ: thực tế, giản dị, cởi mở và luôn đề cao tình nghĩa gia đình, cộng đồng.

3.2. Đặc điểm văn hóa ứng xử và văn hóa vật chất

Văn hóa ứng xử của người Nam Bộ mang những đặc tính riêng, được hình thành qua lịch sử khản hoang và môi trường sông nước đặc thù. Ba phẩm chất cốt lõi (tính hào sảng, lòng trọng nghĩa khí và tinh thần đoàn kết) trở thành trụ cột trong hệ giá trị và quy tắc ứng xử của con người nơi đây. Chúng bắt nguồn từ lịch sử đấu tranh sinh tồn, môi trường tự nhiên trù phú và cấu trúc xã hội cởi mở của vùng đất mới.

Tính hào sảng xuất phát từ tâm lý người đi mở đất và sự phong phú của thiên nhiên [17], [24]. Người Nam Bộ luôn hiếu khách, sẵn sàng chia sẻ, coi trọng tình cảm và sự chân thành trong giao tiếp. Sự phóng khoáng ấy trở thành chuẩn mực ứng xử cộng đồng, góp phần duy trì các mối quan hệ xã hội bền chặt. Nếu hào sảng thể hiện ở khía cạnh vật chất, thì nghĩa khí lại là giá trị tinh thần - thước đo phẩm giá của con người Nam Bộ. Tinh thần nghĩa khí gắn với ý thức tự do, không khuất phục cường quyền, biểu hiện qua thái độ sống thẳng thắn, trọng chính nghĩa và sẵn sàng giúp đỡ người khác. Từ đó hình thành tinh thần đoàn kết, kết nối cá nhân trong cộng đồng, là sức mạnh giúp người dân vượt qua khó khăn và bảo vệ quê hương. Ba phẩm chất này tạo nên hệ giá trị ứng xử hoàn chỉnh, được thể hiện sâu sắc qua các nhân vật trong tác phẩm của Sơn Nam (*Một cuộc bê dâu*, *Miêu bà Chúa Xứ*, *Chiếc ghe Ngo*) và Nguyễn Quang Sáng (*Chiếc lược ngà*, *Bông cẩm thạch*, *Người con đi xa*, *Dòng sông thơ ấu*) [14].

Văn hóa vật chất Nam Bộ gồm các yếu tố hữu hình như ẩm thực, trang phục và kiến trúc, phản ánh lối sống thực tế và khả năng thích ứng cao. Trong ẩm thực, bản sắc vùng hiện rõ qua sự phong phú và sáng tạo: cá, tôm, cua, lươn, rắn đồng... được chế biến thành nhiều món dân dã. Mắm là sản phẩm đặc trưng, thể hiện khả năng tận dụng và sáng tạo của cư dân [24]. Ẩm thực Nam Bộ còn dung hợp nhiều yếu tố: Khmer với gia vị đậm đà, Hoa với hủ tiếu, xá xíu, Chấm với các món hương vị đặc biệt. Theo Sơn Nam, chính sự giao thoa ấy tạo nên một nền ẩm thực cởi

mở, liên tục biến đổi để thích ứng với điều kiện sống [24]. Trang phục Nam Bộ phản ánh triết lý sống giản dị và thực tế. Áo bà ba với gam màu tối thích hợp lao động, khăn rằn vừa che nắng vừa tượng trưng cho tinh thần kiên cường - biểu tượng quen thuộc của người du kích miền Nam [27], [28]. Nón lá phổ biến trong đời sống nông nghiệp, thể hiện tính tiện dụng. Nhiều học giả cho rằng sự giản dị và bình đẳng trong trang phục thể hiện tính dân chủ trong cấu trúc xã hội Nam Bộ, nơi lễ giáo phong kiến không còn chi phối như ở miền Bắc [15]. Kiến trúc nhà ở Nam Bộ thể hiện rõ năng lực thích ứng với môi trường sinh thái sông nước. Nhà thường dựng trên nền cao, hướng ra sông, dùng vật liệu sẵn có như gỗ, tre, lá, vừa thoáng mát vừa chống ngập [17]. Việc dựng nhà gắn liền tinh thần “vần công”, người dân chung tay giúp nhau, thể hiện tính cộng đồng bền chặt [17].

Chính những yếu tố này trở thành chất liệu không gian nghệ thuật quan trọng cho văn học Nam Bộ 1954-1975 thể hiện bản sắc văn hóa và tính cách con người. Các nhà văn như Sơn Nam, Đoàn Giỏi, Anh Đức đã khai thác hình ảnh bữa cơm dân dã, chiếc áo bà ba, ngôi nhà ven sông để khắc họa đời sống và tính cách người phương Nam - phóng khoáng, nghĩa tình và kiên cường. Sơn Nam có công trình khảo cứu *Văn minh miệt vườn* [29], *Người Sài Gòn* [27], *Sài Gòn xưa* [28], *Lịch sử khẩn hoang miền Nam* [16] và tập truyện *Hương rừng Cà Mau* [30]. Đoàn Giỏi có *Đất rừng phương Nam* khắc họa đời sống sinh hoạt, văn hóa của người Nam Bộ [17]. Anh Đức có *Bức thư Cà Mau* nói về cuộc sống kháng chiến chân thực vùng Cà Mau, *Hòn Đất* phản ánh chân thực cuộc chiến đấu tại Hòn Đất, sự kiên cường, bất khuất của những người anh hùng [13], [14].

3.3. Các hình thức sinh hoạt văn nghệ dân gian và đặc trưng ngôn ngữ địa phương

Trong tiến trình phát triển văn hóa Nam Bộ, sinh hoạt văn nghệ dân gian giữ vai trò quan trọng trong việc phản ánh đời sống tinh thần, gắn kết cộng đồng và nuôi dưỡng bản sắc vùng. Hò, lý, đờn ca tài tử là ba loại hình tiêu biểu, gắn bó mật thiết với môi trường tự nhiên, lịch sử và xã hội của vùng đất mới. Chúng không chỉ là hình thức giải trí mà còn là biểu hiện của tư duy nghệ thuật dân gian, phản ánh chiều sâu văn hóa và tinh thần người Nam Bộ. Lời hò mộc mạc, gần gũi, phản ánh tình yêu đôi lứa, tình cảm gia đình, niềm vui lao động và sự gắn bó với thiên nhiên, thể hiện tính thực tế, bình dị trong đời sống [29]. Theo Huỳnh Công Tín [17], lý Nam Bộ thể hiện rõ tinh thần linh hoạt, sáng tạo của cư dân khi họ có thể sáng tác lời mới phù hợp hoàn cảnh, biến lý thành phương tiện giao tiếp và biểu đạt cảm xúc. Đờn ca tài tử là sự hòa quyện giữa kỹ thuật âm nhạc tinh tế và nội dung trữ tình, biểu hiện gu thẩm mỹ tao nhã của người dân [26]. Sơn Nam cho rằng quá trình khẩn hoang và giao thoa văn hóa khiến các hình thức này mang đậm tính thực tế, năng động và luôn đổi mới qua truyện *Hương rừng Cà Mau*; bút ký *Giới thiệu Sài Gòn xưa*, *Ấn tượng 300 năm*, *Tiếp cận với Đồng bằng sông Cửu Long* và những nghiên cứu văn hóa - lịch sử [24].

Các nhà nghiên cứu xem đờn ca tài tử, cải lương là loại hình sân khấu đặc trưng của Nam Bộ, vừa dân dã vừa bác học [18]. Về mặt thẩm mỹ, hò, lý và đờn ca tài tử đều thể hiện tinh thần phóng khoáng, tự do nhưng có quy luật, phản ánh tâm hồn rộng mở của cư dân miền sông nước. Trong *Hương rừng Cà Mau*, Sơn Nam nhiều lần mô tả những buổi đờn ca, câu hò dân dã như một phần không thể thiếu của đời sống tinh thần người dân [25]. Vương Hồng Sển nhấn mạnh, các hình thức nghệ thuật này tạo nên nền tảng tinh thần bền vững, định hình diện mạo văn hóa Nam Bộ trong suốt thế kỷ XX [30]. Bên cạnh đó, ngôn ngữ địa phương Nam Bộ là yếu tố phản ánh sâu sắc lịch sử di dân, môi trường sông nước và sự dung hợp văn hóa. Việc nghiên cứu phương ngữ góp phần làm rõ các yếu tố tạo nên bản sắc vùng, đồng thời lý giải chiều sâu hiện thực trong văn học Nam Bộ giai đoạn 1954-1975. Đặc trưng ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp của phương ngữ này được hình thành trong điều kiện đặc biệt của vùng đất mới. Cụ thể, tập truyện ngắn *Hương rừng Cà Mau* của Sơn Nam sử dụng ngôn ngữ trần thuật tự nhiên và giàu cảm xúc để xây dựng hình ảnh con người và vùng đất Nam Bộ [25]. Tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi sử dụng ngôn ngữ trần thuật mộc mạc, gần gũi nhằm tái hiện chân thực, sinh động văn hóa vùng Nam Bộ [19]. Truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng sử dụng ngôn ngữ địa phương chân thực, khắc họa không khí câu chuyện và đời sống người dân [14], [24].

Về ngữ âm, Trần Xuân Ngọc Lan [20] cho rằng đó là kết quả của quá trình di dân từ nhiều vùng miền, cùng sự thích nghi trong giao tiếp, tạo nên cách phát âm đơn giản, thuận tiện. Về từ vựng, phương ngữ Nam Bộ phong phú với nhiều từ đặc trưng như “bung”, “lung”, “giồng” (địa hình) hay “tát đĩa”, “chạy đồng” (lao động sản xuất). Huỳnh Công Tín [19] nhận xét vốn từ này thể hiện tính mở, khả năng tiếp nhận và biến đổi ngôn ngữ ngoại lai, phản ánh tính dung hợp văn hóa và tinh thần sáng tạo. Sơn Nam [24] cho rằng cách dùng từ của người Nam Bộ thể hiện tính thực tế, thẳng thắn và thân mật, tạo nên sự gần gũi, cởi mở trong giao tiếp. Đây cũng là nguồn chất liệu quý giá cho sáng tác văn học, giúp khắc họa chân thực đời sống và tính cách con người phương Nam. Về ngữ pháp, Huỳnh Công Tín [17] cho rằng phương ngữ Nam Bộ linh hoạt, chú trọng hiệu quả truyền đạt hơn là tuân thủ quy phạm chặt chẽ. Điều này chứng tỏ ngôn ngữ không chỉ là công cụ giao tiếp mà còn là kho tri thức bản địa, phản ánh quá trình thích ứng với môi trường và khai thác tự nhiên [16]. Vương Hồng Sển [30] nhận định sự phóng khoáng trong ngôn ngữ biểu hiện tính cách rộng rãi, thực tế và giản dị của người Nam Bộ, tạo nên phong thái giao tiếp đặc trưng. Ngoài ra, giọng điệu các sáng tác của nhà văn Nam Bộ cũng cho thấy sự giản dị, chân thật, gần gũi với đời thường, có khi dí dỏm, hóm hỉnh, thể hiện sự cảm thông, chia sẻ qua việc xây dựng đặc điểm các nhân vật. Trong văn học, Sơn Nam, Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng, Đoàn Giỏi đã khai thác phương ngữ để tái hiện sinh hoạt và khắc họa tính cách nhân vật, làm nổi bật tinh thần dân dã, hồn nhiên và sâu sắc của người miền sông nước [13], [14]. Sơn Nam có *Hương rừng Cà Mau* [25], *Biển cỏ miền Tây* [13]; Anh Đức có *Hòn Đất*, *Con chị Lộc*, *Giấc mơ ông lão vườn chim*, *Xôn xao đồng nước* [13], [14]; Nguyễn Quang Sáng có *Chiếc lược ngà*, *Mùa gió chướng*, *Đất lửa* [13], [14]; Đoàn Giỏi có *Đất rừng phương Nam* [17];... Trần Hữu Tá khẳng định việc sử dụng phương ngữ trong văn học không chỉ tái hiện hiện thực mà còn thể hiện sự trân trọng giá trị văn hóa địa phương, khẳng định vị trí của phương ngữ Nam Bộ trong hệ thống văn hóa dân tộc [12].

3.4. Hệ giá trị cốt lõi và sự kết tinh bản sắc văn hóa trong việc định hình tính cách con người

Hệ giá trị Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín đóng vai trò nền tảng đạo đức và chuẩn mực ứng xử của con người Nam Bộ. Nhiều công trình nghiên cứu khẳng định rằng trong văn hóa ứng xử của cư dân vùng này, các yếu tố ấy không tồn tại một cách giáo điều, mà được vận dụng linh hoạt, gắn bó với đời sống thực tế và phản ánh tâm lý, tính cách đặc thù của cộng đồng [17], [24]. Các tác phẩm nêu trên thể hiện bản sắc văn hóa Nam Bộ qua tinh thần *nghĩa tình, bộc trực, thiết thực*, đặc biệt phản ánh tính cách người miền Nam qua các nhân vật điển hình với sự *nhân ái, nghĩa tình* mang đặc trưng của Nam Bộ, kết hợp hài hòa với Tín, Trí để định vị, tạo nên con người chính trực, kiên cường qua các tác phẩm. Đây là sự chuyển hóa của tinh thần nghĩa khí thành tinh thần chiến đấu và đoàn kết vì độc lập tự do. Sơn Nam [16] cho rằng tinh thần nhân ái thể hiện qua sự khoan dung đối với người tha hương, lưu dân nghèo khổ - “Nhân” không phải là khái niệm trừu tượng mà là giá trị được thực hành cụ thể, góp phần gắn kết xã hội. Huỳnh Lứa [15] nhận xét rằng trong hoàn cảnh khai hoang, những lễ nghi rườm rà không còn phù hợp, thay vào đó là các hình thức giản đơn nhưng vẫn giữ ý nghĩa tôn kính. Vương Hồng Sển [30] cũng cho rằng lễ nghi ở Nam Bộ tuy giản lược song vẫn thể hiện sự trang trọng qua thái độ hơn là hình thức. Sơn Nam [24] nhiều lần nhấn mạnh yếu tố *nghĩa khí* như một phẩm chất đặc thù của người miền Nam - xuất phát từ môi trường xã hội cởi mở, ít ràng buộc họ tộc nhưng gắn bó bằng tình nghĩa. Huỳnh Công Tín [17] cho rằng *Trí* của người Nam Bộ là trí tuệ thực tế, gắn với óc sáng tạo trong điều kiện khẩn hoang.

Hệ giá trị này vừa kế thừa truyền thống dân tộc, vừa mang đặc điểm riêng do hoàn cảnh lịch sử và xã hội vùng đất mới hình thành. Bản sắc văn hóa Nam Bộ là kết quả của sự giao thoa giữa yếu tố lịch sử, địa lý, xã hội và tinh thần cộng đồng. Các nghiên cứu đều chỉ ra mối quan hệ mật thiết giữa văn hóa và sự hình thành tính cách người Nam Bộ [15], [17], [24]. Theo Sơn Nam, đặc trưng nổi bật của con người Nam Bộ là *trọng nghĩa khí và tình nghĩa* - những giá trị đã trở thành cốt lõi trong ứng xử xã hội, gắn với hình ảnh người dân chất phác, kiên cường [16], [24]. Một đặc

tính quan trọng khác là tính linh hoạt, sáng tạo và khả năng thích ứng cao. Trần Xuân Ngọc Lan [20] khi nghiên cứu phương ngữ Nam Bộ nhận thấy ngôn ngữ nơi đây phản ánh sự năng động, giàu hình ảnh và gần gũi thực tế. Chính tinh thần sáng tạo và khả năng ứng biến linh hoạt ấy giúp người Nam Bộ dễ dàng hòa nhập với sự biến đổi xã hội, tạo nên sức sống bền bỉ của cộng đồng. Bên cạnh đó, tính khoan dung và cởi mở là kết tinh tiêu biểu của bản sắc văn hóa vùng này. Với đặc thù là vùng đất hội tụ nhiều tộc người - Việt, Khmer, Hoa, Chăm - Nam Bộ sớm trở thành không gian đa dạng văn hóa. Sự chung sống ấy hình thành thái độ tôn trọng, chấp nhận và dung hòa khác biệt. Vương Hồng Sển [30] khẳng định cư dân Nam Bộ có tính cách cởi mở, sẵn sàng tiếp nhận cái mới; còn Sơn Nam [25] cho rằng sự giao thoa văn hóa đã làm giàu thêm bản sắc vùng đất, tạo nên lối sống bao dung, ít thành kiến, dễ hòa nhập. Chính những phẩm chất đó giúp con người Nam Bộ không chỉ gìn giữ truyền thống mà còn thích ứng nhanh với tiến trình hiện đại hóa, làm nên sức hút và bản lĩnh riêng của vùng đất phương Nam.

4. Kết luận

Nam Bộ là vùng hội tụ và giao thoa văn hóa, nơi nhiều luồng dân cư và hệ tư tưởng gặp gỡ, dung hợp, tạo nên một bức tranh văn hóa đa dạng và phong phú. Các yếu tố tín ngưỡng dân gian bản địa và tôn giáo lớn cùng tồn tại, đan xen và ảnh hưởng lẫn nhau, phản ánh tinh thần cởi mở và nhu cầu bám víu tinh thần của cư dân trong buổi đầu khẩn hoang gian khó. Những phong tục, tập quán thể hiện hệ giá trị và quan niệm nhân sinh đặc trưng của người phương Nam. Văn hóa ứng xử với ba trụ cột cơ bản: tính hào sảng, lòng trọng nghĩa khí và tinh thần đoàn kết. Văn hóa vật chất và sinh hoạt văn nghệ dân gian, thể hiện đời sống tinh thần phong phú và gắn kết cộng đồng. Ngôn ngữ Nam Bộ là phương tiện giao tiếp đặc trưng, mang dấu ấn của lịch sử di dân và môi trường sông nước, thể hiện rõ sự dung hợp văn hóa. Hệ giá trị Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín là nền tảng đạo đức và chuẩn mực ứng xử của con người. Tính cách người Nam Bộ - dũng cảm, phóng khoáng, trọng nghĩa, linh hoạt và khoan dung là sự kết tinh của lịch sử, địa lý và văn hóa vùng đất này. Bản sắc văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần, mà còn là yếu tố định hình nhân cách, cách nghĩ, cách sống và tạo nên sắc thái riêng của văn học, nghệ thuật Nam Bộ trong thời kỳ hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] N. P. Nguyen, "The Ideal of 'Loyal Righteousness' in Southern Confucian Literature in the Late Nineteenth Century through the Case of Phan Thanh Gian," *Journal of Science and Technology, University of Da Nang*, vol. 2, no. 111, pp. 71-73, 2017.
- [2] N. P. Nguyen, "The Role of Genre in Depicting 'Loyal Righteousness' in Late Nineteenth-Century Southern Vietnamese Literature," *Journal of Science, Hong Duc University*, no. 64, pp. 133-145, Apr. 2023.
- [3] N. P. Nguyen and T. H. Vu, "Artistic Techniques for Portraying 'Loyal Righteousness' in Selected Southern Confucian Writings of the Late Nineteenth Century," *Teaching and Learning Today Journal*, no. 2, pp. 95-97, May 2021.
- [4] N. P. Nguyen and T. H. Vu, "Some Theoretical Approaches to the Concept of 'Loyal Righteousness' Influencing Southern Confucian Literature in the Late Nineteenth Century," *Teaching and Learning Today Journal*, no. 2, pp. 103-105, May 2021.
- [5] N. P. Nguyen, "Genre Selection and Language Use in the Ngoa Du Sao Poetry Collection," *Journal of Literary Studies*, vol. 3, no. 577, pp. 36-43, Mar. 2020.
- [6] V. S. Pham, *Literature of the Liberation of Southern Vietnam 1954-1970*. Hanoi: University and Professional High School Publishing House, 1975.
- [7] H. K. Cao, "A Preliminary Survey of 15 Years of Southern Prose 1955-1969," (in Vietnamese), *Khôi Hanh*, no. 74, pp. 12-25, 1970.
- [8] H. K. Cao, "The Issue of Trend in Southern Novels from 1954-1973," (in Vietnamese), *Thoi Tap*, no. 4, pp. 45-46, 1974.
- [9] N. M. Giac, "A Look Back at 15 Years of Southern Arts and Literature," (in Vietnamese), *Bach Khoa*, no. 361-362, pp. 10-18, 1972.
- [10] M. D. Ha and C. D. Phan, *Vietnamese Writers 1945-1975*, vol. 1. Hanoi: University and Professional High School Publishing House, 1979.

-
- [11] H. T. Tran, "Patriotic and Progressive Literary Trends in Southern Cities during the 1954-1975 Period," Ph.D. dissertation, Hanoi University of Education, 1994.
- [12] H. T. Tran, *Looking Back on a Literary Journey*. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City Publishing House, 2000.
- [13] T. Q. Vu, *Anh Duc, Nguyen Quang Sang, Son Nam*. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City Literature and Arts Publishing House, 1994.
- [14] T. Q. Vu, *Literary Criticism and Commentary: Anh Duc, Nguyen Quang Sang, Son Nam* (Reprint with additions). Ho Chi Minh City: Literature and Arts Publishing House, 1998.
- [15] L. Huynh, *History of the Exploration of the Southern Land*. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City Publishing House, 1987.
- [16] N. Son, *History of Land Reclamation in the South* (Reprint). Ho Chi Minh City: Tre Publishing House, 2007b.
- [17] C. T. Huynh, *Perceiving the Identity of Southern Vietnam*. Hanoi: Culture and Information Publishing House, 2006.
- [18] N. T. Huynh, *The Art of Communal Houses in Southern Vietnam*. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City Publishing House, 1996.
- [19] C. T. Huynh, *Dictionary of Southern Vietnamese Words*. Hanoi: Social Sciences Publishing House, 2007.
- [20] X. N. L. Tran, *The Southern Dialect*. Hanoi: Social Sciences Publishing House, 1995.
- [21] D. S. Tran, *A Coursebook on Introduction to Poetics*. Hanoi: Education Publishing House, 1999.
- [22] D. S. Tran, *Works on Poetics*. Hanoi: Education Publishing House, 2005.
- [23] L. Phuong, *Literary Theory*, 5th ed. Hanoi: Education Publishing House, 2006.
- [24] N. Son, *Speaking of the South; The Southern Personality; The Fine Customs and Traditions of Vietnam*. Ho Chi Minh City: Tre Publishing House, 2007.
- [25] N. Son, *The Scent of Ca Mau Forest*. Ho Chi Minh City: Tre Publishing House, 2003.
- [26] N. T. Huynh and H. T. Tran, *Communal Houses of Southern Vietnam*. Ho Chi Minh City: Tre Publishing House, 2001.
- [27] N. Son, *The People of Saigon*. Saigon: La Boi Publishing House, 1970.
- [28] N. Son, *Old Saigon*. Saigon: La Boi Publishing House, 1971.
- [29] N. Son, *Garden Civilization*. Saigon: La Boi Publishing House, 1973.
- [30] H. S. Vuong, *Saigon in the Old Days*. Ho Chi Minh City: Tre Publishing House, 1995.